

Bản án số: 17/2019/DS-PT
Ngày 15- 5- 2019
Về tranh chấp hợp đồng giao khoán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Hồ Điệp

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

Bà Vũ Thị Thanh Vân

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trang, Thư ký Toà án nhân thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 17/TLPT- DS ngày 14 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng giao khoán.

Do Bản án dân sơ thẩm số 34/2018/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1002/2019/QĐPT-DS ngày 14 tháng 3 năm 2019, Thông báo thay đổi lịch phiên tòa ngày 03 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần X9 Hải Phòng; địa chỉ: Thị trấn Minh Đ, huyện Thủy Ng, thành phố Hải Ph;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Mỹ L, nơi cư trú: Số 7 Minh Kh, phường Minh Kh, quận Hồng B, thành phố Hải Ph và ông Bùi Văn Nh, nơi cư trú: Tổ dân phố Phụng H, thị trấn Minh Đ, huyện Thủy Ng, Hải Ph (văn bản ủy quyền ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần X9 Hải Phòng), có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Ánh Ng, nơi cư trú: Thôn 4B, xã Tân Dương, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Lê Thúy Quỳnh - Luật sư của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Luật PQD thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nhà máy gạch Lưu K, nơi cư trú: Xã Lưu K, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện hợp pháp của Nhà máy gạch Lưu K: Bà Nguyễn Thị Ánh Ng, chức vụ: Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật; nơi cư trú: Thôn 4B, xã Tân Dương, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, có mặt.

2. Ông Vũ Đình Tiên, nơi cư trú: Thôn 4b, xã Tân Dương, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

- Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Ánh Ng, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 01 năm 2018, đơn khởi kiện bổ sung và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là Công ty Cổ phần X9 Hải Phòng (sau đây viết tắt là Công ty) trình bày:

Ngày 26 tháng 6 năm 2009 giữa Công ty và bà Nguyễn Thị Ánh Ng đại diện nhà máy gạch Lưu K có kí Hợp đồng Giao khoán số 08/2009 (Sau đây viết tắt là Hợp đồng Giao khoán) với các nội dung chính sau đây: Bên A (bên giao khoán) giao cho bên B (bên nhận khoán) toàn bộ thực trạng khối lượng, công việc và giá trị dự án Nhà máy gạch Lưu K đã được hoàn thành đến thời điểm kí kết hợp đồng gồm diện tích mỏ Dinh Sen đã đền bù đợt 1, được phép khai thác sử dụng sản lượng đất sét đòi tương ứng với công suất sản xuất gạch của Nhà máy trong diện tích là 32.672m². Diện tích mặt bằng Nhà máy 35.376m² và các hạng mục xây dựng cơ bản (có biên bản bàn giao và danh mục tài sản kèm theo). Bên B phải chịu trách nhiệm toàn bộ các chi phí như: Thuế giá trị gia tăng, thuế tài nguyên, tiền thuê đất, thuế đất, phí môi trường ... và các khoản chi phí khác liên quan đến hoạt động khai thác khoáng sản và sản xuất kinh doanh của nhà máy. Hàng năm phải thực hiện nghĩa vụ trích nộp cho bên A cụ thể như sau: Hai năm đầu (tính từ thời gian thực hiện hợp đồng) mỗi năm phải thực hiện nghĩa vụ trích nộp là 600.000.000 đồng; từ năm thứ 3 trở đi căn cứ vào tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của nhà máy, hai bên sẽ kí phụ lục hợp đồng xác định khoản bên B phải thực hiện nghĩa vụ trích nộp các năm tiếp theo cho bên A. Bên B được hưởng toàn bộ lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của nhà máy sau khi đã trừ các chi phí phải nộp theo quy định. Trường hợp bên B sản xuất kinh doanh không hiệu quả và không thực hiện nghĩa vụ nộp tiền cho Công ty như thỏa thuận tại Điều 3 của

hợp đồng thì bên B phải chủ động gửi văn bản cho bên A để hai bên cùng nhau hợp bàn thống nhất trên phương án tháo gỡ. Nếu hợp bàn thương lượng nhiều lần mà vẫn không khắc phục được tình trạng thua lỗ thì bên A sẽ đơn phương chấm dứt hợp đồng và tìm phương án sản xuất kinh doanh khác phù hợp và đem lại hiệu quả cho Công ty.

Quá trình thực hiện Hợp đồng Giao khoán, bà Nguyễn Thị Ánh Ng đã vi phạm nghĩa vụ, cụ thể như sau: Không nộp các khoản tiền thuê đất, tiền thuê tài nguyên, thuế giá trị gia tăng, phí môi trường, tiền nộp cơ chế cho Công ty theo thỏa thuận, không thực hiện chế độ hạch toán báo sổ về Công ty và không nộp tiền thuế cho Nhà nước nên Công ty đã Cục thuế Hải Phòng xử phạt dẫn đến Công ty bị thiệt hại. Sau nhiều cuộc họp giải quyết vướng mắc, nhiều văn bản chỉ đạo giải quyết nhưng không đạt kết quả nên Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố chấm dứt Hợp đồng Giao khoán kí giữa Công ty Cổ phần X9 Hải Phòng với bà Nguyễn Thị Ánh Ng và yêu cầu bà Ng thanh toán cho Công ty các khoản tiền như sau:

1. Tiền Công ty đã bỏ ra nộp thuế cho Nhà nước liên quan đến nhà máy gạch là 663.750.000 đồng, tiền thuê đất mỗi năm 2010 - 2011 là 50.804.000 đồng, tiền thuê mặt bằng nhà máy từ năm 2010 đến ngày xử sơ thẩm là 1.426.558.630 đồng, tiền nộp cơ chế cho công ty theo hợp đồng từ tháng 6/2010 đến hết tháng 8/2011 (15 tháng) là 750.000.000 đồng và từ tháng 12/2011 đến hết tháng 12/2017 (73 tháng) là 3.650.000.000 đồng. Tổng số tiền bà Ng phải thanh toán là 6.541.112.630 đồng, không yêu cầu thanh toán tiền lãi.

2. Trả lại các tài sản Công ty đã đầu tư trước khi cho thuê khoán gồm: Toàn bộ diện tích mặt bằng nhà máy đã thuê khoán theo hợp đồng 35.367,10m² như hiện trạng khi cho thuê và móng tường rào, nhà làm việc điều hành, nhà ăn, nhà nghỉ công nhân, nhà bảo vệ, đường dẫn vào mỏ mở rộng.

3. Bà Ng phải tháo dỡ và di chuyển toàn bộ tài sản bà Ng đã đầu tư vào dự án nhà máy gạch Lưu K khi ký nhận giao khoán theo Hợp đồng Giao khoán và được Công ty cho phép đầu tư để trả lại mặt bằng sạch cho Công ty, gồm: 01 lò đứng (xây năm 2009); bờ kè đá hộc để dẫn nước chảy ra sông; sân phơi gạch ngoài trời và rãnh thoát nước; nhà vệ sinh số 01 và số 02; nhà xe; nhà lán khu lò gạch; nhà chứa máy làm gạch; nhà chứa đất và tường chắn; nhà chứa máy bơm; đường nội bộ xung quanh mặt bằng nhà máy (đường xương cá); rãnh thoát nước trong nhà máy; dọn đất đã đổ để san lấp nâng cốt mặt bằng nhà máy; tháo dỡ mái prôximăng đã lợp để hoàn thiện nhà cấp bốn đối diện cổng nhà bảo vệ.

4. Bà Ng phải tháo dỡ và di chuyển toàn bộ tài sản bà Ng đã đầu tư vào dự án nhà máy gạch Lưu K khi chưa được Công ty cho phép, để trả lại mặt bằng sạch cho Công ty, gồm: Lò nung kiểu lò vòng (xây năm 2014, hoàn thiện cuối năm 2016);

nhà mái che lò nung; nhà cồng phơi gạch phía văn phòng; âu xuất hàng; nhà mái che âu xuất hàng; nhà kho đất và bờ kè; nhà kho than và bờ kè; nhà cồng phơi gạch phía trước lò đứng; nhà ăn cho cán bộ công ty 02 gian và phải tháo dỡ, di chuyển các tài sản phát sinh khác ngoài các tài sản đã liệt kê ở trên để trả lại mặt bằng sạch cho Công ty.

Công ty không đồng ý nhận lại các tài sản của bà Ng đầu tư, không lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản; không đề nghị định giá tài sản, không đề nghị bồi thường thiệt hại, không yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng. Đồng ý với số tiền bà Ng đã đầu tư xây dựng Nhà máy gạch Lưu K là 23.935.029.800 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, tại văn bản ngày 16 tháng 4 năm 2019 và tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty rút một phần yêu cầu tiền thuê đất mỏ Dinh Sen và yêu cầu bà Ng phải nộp 06 tháng của năm 2010 là 8.168.000 và 06 tháng của năm 2011 là 17.234.000 đồng.

Lời khai trong quá trình xét xử vụ án, bị đơn Nguyễn Thị Ánh Ng trình bày:

Thông nhất về việc ký Hợp đồng Giao khoán với các nội dung như nguyên đơn trình bày là đúng. Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn liên tục gây khó khăn, áp lực, hợp đồng có nhiều điều khoản bất lợi nên bà đã báo cáo về Công ty để tháo gỡ nhưng không được trả lời. Do thời gian thi công nhà máy kéo dài, đến ngày 25 tháng 9 năm 2011 mới đưa vào vận hành chạy thử nghiệm và trước đó Công ty đã thực hiện cấm khai thác mỏ sét Dinh sen nên hoạt động của nhà máy rất khó khăn, chưa nộp tiền cho Công ty theo thỏa thuận trong hợp đồng giao khoán được. Ngày 10 tháng 10 năm 2011, Công ty yêu cầu nhà máy dừng hoạt động, yêu cầu quyết toán giá trị đầu tư. Công ty đã thành lập tổ công tác thẩm định giá trị đầu tư, bà đã gửi hồ sơ quyết toán nhưng không được Công ty nghiệm thu, cũng không có phản hồi. Trong khi chờ kết quả nghiệm thu thì Công ty đơn phương yêu cầu thanh lý hợp đồng gây thiệt hại kinh tế cho bà.

Bà Ng đồng ý chấm dứt, đồng ý tháo dỡ toàn bộ tài sản này để trả lại mặt bằng cho Công ty với điều kiện Công ty phải thanh toán cho bà số tiền đã đầu tư là 23.935.029.800 đồng (có hồ sơ quyết toán bà Ng đã bàn giao cho Công ty) và phải bồi thường thiệt hại cho bà do việc bị Công ty cấm mỏ, cưỡng chế yêu cầu tạm dừng hoạt động gây ra từ tháng 06 năm 2012 đến tháng 06 năm 2018 là 7.200.000.000 đồng. Không đồng ý thanh toán các khoản tiền cho Công ty như người đại diện đã trình bày ở trên.

Bà Nguyễn Thị Ánh Ng không lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản; không đề nghị định giá tài sản; không đề nghị bồi thường thiệt hại, không yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng.

Lời khai trong quá trình xét xử vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Vũ Đình Tiến trình bày: Ông là chồng của bà Ng, tiền bà Ng dùng để xây dựng

Nhà máy gạch Lưu K có một phần là tiền chung của vợ chồng ông bà, ngoài ra bà Ng còn huy động vốn góp của các cổ đông khác. Ông Tiến thống nhất với quan điểm của bà Nguyễn Thị Ánh Ng, không bổ sung gì thêm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 34/2018/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần X9 Hải Phòng về các nội dung sau đây:

Chấm dứt Hợp đồng giao khoán số 08/2009/HĐKT ngày 26 tháng 6 năm 2009 được ký giữa Công ty Cổ phần X9 Hải Phòng với bà Nguyễn Thị Ánh Ng.

Bà Nguyễn Thị Ánh Ng phải có trách nhiệm bàn giao và trả lại các tài sản sau đây cho Công ty Cổ phần X9 Hải Phòng: Bàn giao và trả lại toàn bộ diện tích mặt bằng nhà máy đã thuê khoán theo hợp đồng 35.367,10m²; bàn giao và trả lại móng tường rào, nhà làm việc điều hành, nhà cấp đổi diện công bảo vệ (trừ mái prôximăng), nhà ăn, nhà nghỉ công nhân, nhà bảo vệ, đường dẫn vào mỏ mở rộng và toàn bộ cây cối trong khuôn viên diện tích đất 35.367,10m² theo hợp đồng thuê khoán.

Bà Nguyễn Thị Ánh Ng phải thanh toán, trả cho Công ty Cổ phần X9 Hải Phòng tổng số tiền 6.541.112.630 (Sáu tỷ, năm trăm bốn mươi một triệu, một trăm mười hai nghìn, sáu trăm ba mươi đồng) là các khoản tiền phát sinh từ thỏa thuận trong Hợp đồng giao khoán số 08/2009/HĐKT ngày 26 tháng 6 năm 2009, cụ thể như sau: Phải thanh toán, trả số tiền 663.750.000 đồng là tiền Công ty Cổ phần X9 Hải Phòng đã nộp vào ngân sách Nhà nước liên quan đến vi phạm trong hoạt động, sản xuất, kinh doanh của Nhà máy gạch Lưu K do bà Nguyễn Thị Ánh Ng làm giám đốc. Phải thanh toán, trả số tiền thuê đất mỏ các năm 2010 - 2011 là 50.804.000 đồng. Phải thanh toán, trả số tiền thuê mặt bằng nhà máy từ năm 2010 đến ngày xử sơ thẩm là 1.426.558.630 đồng. Phải thanh toán, trả số tiền nộp cơ chế cho công ty theo hợp đồng từ tháng 6/2010 đến hết tháng 8/2011 (15 tháng) là 750.000.000 đồng và từ tháng 12/2011 đến hết tháng 12/2017 (73 tháng) là 3.650.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Ánh Ng phải tháo dỡ và di chuyển toàn bộ tài sản các tài sản gồm: 01 lò đứng; bờ kè đá hộc để dẫn nước chảy ra sông; sân phơi gạch ngoài trời và rãnh thoát nước; nhà vệ sinh số 01 và số 02; nhà xe; nhà lán khu lò gạch; nhà chứa máy làm gạch; nhà chứa đất và tường chắn; nhà chứa máy bơm; đường nội bộ xung quanh mặt bằng nhà máy (đường xương cá); rãnh thoát nước trong nhà máy; lò nung kiểu lò vòng; nhà mái che lò nung; nhà cáng phơi gạch phía văn phòng; âu xuất hàng; nhà mái che âu xuất hàng; nhà kho đất và bờ kè; nhà kho than và bờ kè; nhà cáng phơi gạch phía trước lò đứng; nhà ăn cho cán bộ công ty 02 gian; dọn và vận chuyển phần vật liệu đã san lấp, nâng cốt mặt bằng nhà máy; mái prôximăng

lộ nhà cấp đổi diện công bảo vệ để trả lại mặt bằng cho Công ty Cổ phần X9 Hải Phòng.

Bà Nguyễn Thị Ánh Ng phải tháo dỡ, di chuyển các tài sản phát sinh khác ngoài các tài sản buộc phải tháo dỡ như đã được liệt kê ở trên để trả lại mặt bằng cho Công ty Cổ phần X9 Hải Phòng.

Khi tháo dỡ, di chuyển, vận chuyển các tài sản buộc phải tháo dỡ, bà Nguyễn Thị Ánh Ng không được làm ảnh hưởng đến các tài sản mà bà Nguyễn Thị Ánh Ng có trách nhiệm bàn giao cho Công ty Cổ phần X9 Hải Phòng như đã xác định ở trên.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ánh Ng về việc buộc Công ty Cổ phần X9 Hải Phòng phải thanh toán cho bà số tiền 23.935.029.800 đồng.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, lãi suất chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08 tháng 12 năm 2018, bà Nguyễn Thị Ánh Ng kháng cáo yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm với lý do:

Căn cứ theo Điều 3 của Hợp đồng giao khoán thì hai năm đầu tính từ thời gian thực hiện hợp đồng mỗi năm Nhà máy gạch phải trích nộp nghĩa vụ cho Công ty là 600.000.000đ/năm chứ không phải các khoản như Công ty liệt kê như trong đơn khởi kiện.

Ngày 05 tháng 7 năm 2010, Công ty cấm không cho Nhà máy gạch khai thác mỏ sét Sinh sen là nguồn nhiên liệu chính cho hoạt động sản xuất gạch nên không có cơ sở tính tiền thuê đất mỏ năm 2010 – 2011 là 50.804.000đồng

Ngày 10 tháng 10 năm 2011, Công ty ra Quyết định dừng hoạt động đưa Công ty DVBV Nam Triệu đến trấn giữ và cấm hoạt động của nhà máy 02 năm liền. Nhà máy không có nguyên liệu sản xuất và phải dừng hoạt động nên không có điều kiện để nộp số tiền 3.650.000.000đồng.

Toàn bộ tài sản có trên mặt bằng nhà máy được nguyên đơn ghi nhận tại phiên tòa với giá trị 23.953.029.800đồng, buộc Công ty phải thanh toán cho bị đơn.

Không chấp nhận việc chấm dứt hợp đồng số 08/2009/HĐKT ngày 26 tháng 6 năm 2009.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về tiền thuê diện tích đất mỏ Dinh Sen, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày quan điểm bảo vệ:

Tại thời điểm kí hợp đồng giao khoán, theo giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp thì ông Phạm Văn Nhiệm là người đại diện theo pháp luật. Tại mục 3 của Biên bản họp Hội đồng quản trị số 30 BB/HĐQT ngày 18 tháng 6 năm 2009 do ông Phạm Văn Nhiệm là người đại diện theo pháp luật chủ trì cuộc họp nhất trí thành lập nhà máy gạch Lưu K, người đại diện kí nhận hợp đồng là giám đốc điều hành nhà máy, tức là bà Ng được đại diện kí hợp đồng. Và tại hợp đồng giao khoán bà Ng đã thực hiện đúng Biên bản họp Hội đồng quản trị để kí hợp đồng nhưng ông Trần Văn Hiến đã kí hợp đồng khi không có văn bản nào ủy quyền cho ông Hiến được quyền kí hợp đồng. Tại Hợp đồng giao khoán có rất nhiều căn cứ nhưng không có căn cứ nào thể hiện ông Hiến được quyền ký hợp đồng.

Quyết định số 110 ngày 04 tháng 01 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố cho Công ty thuê đất thời hạn 10 năm nhưng Công ty đã kí hợp đồng với Nhà máy gạch trong thời hạn 08 năm kể từ ngày kí hợp đồng là vượt quá thời hạn thuê đất của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

Công ty đã cấm mọi hoạt động của Nhà máy gạch ngay sau hợp đồng được thực hiện 02 tháng nên Nhà máy không có điều kiện để thanh toán tiền thuê diện tích mỏ và tiền cơ chế 3.650.000.000đồng.

Hợp đồng giao khoán không quy định hạch toán báo cáo nhưng Công ty lấy lý do Nhà máy phải hạch toán báo sổ là cớ tính muốn chấm dứt hợp đồng với Nhà máy gạch.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty đã thừa nhận toàn bộ tài sản do bà Ng đầu tư là 23.953.029.800đồng, do vậy yêu cầu Công ty phải thanh toán số tiền này cho bà Ng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày quan điểm bảo vệ:

Theo quyết định số 784/QĐ-UB ngày 11 tháng 4 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cho phép Công ty khai thác khoáng sản sét tại mỏ Dinh Sen thời hạn là 20 năm kể từ ngày kí quyết định. Như vậy thời hạn khai thác khoáng sản của công ty đến năm 2023 mới hết thời hạn nhưng Công ty chỉ kí hợp đồng giao khoán với bà Ng 08 năm. Nếu hết thời hạn theo hợp đồng giao khoán, Công ty sẽ xem xét hiệu quả làm việc của Nhà máy để ký tiếp hợp đồng nữa hay không. Tại các căn cứ của Hợp đồng giao khoán có căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng quản trị số 30 BB/HĐQT ngày 18 tháng 6 năm 2009 và tại Biên bản này ông Nhiệm lúc đó là người đại diện theo pháp luật của Công ty đã giao cho Tổng giám đốc công ty thực hiện hợp đồng giao khoán với Nhà máy gạch. Ngày 26 tháng 6 năm 2009, ông Nhiệm có giấy ủy quyền cho ông Hiến là Tổng Giám đốc kí hợp đồng giao khoán với Nhà máy gạch, như vậy hợp đồng giao khoán được kí đúng thẩm quyền. Ngay sau khi thực hiện hợp đồng bà Ng đã sử dụng diện tích đất mỏ sai mục đích nên Công ty có Thông báo tạm dừng hoạt động khai thác mỏ. Tại báo cáo

của Nhà máy gạch, bà Ng đã báo cáo khai thác 80.000m³ đất mỏ, trong đó có 5.000m³ đất mỏ để làm đường nên Công ty trừ cho máy số nguyên liệu 5.000m³ này. Bà Ng phải thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng giao khoán đối với 75.000m³ nguyên liệu đã khai thác sử dụng. Từ năm 2012 đến năm 2017, bà Ng vẫn sử dụng mặt bằng của Nhà máy và hoạt động sản xuất nên bà Ng phải thực hiện tiền cơ chế theo hợp đồng và trả tiền thuê diện tích mặt bằng Nhà máy cho Công ty. Đối với tiền thuê diện tích đất mỏ, Công ty đã xem xét lại ngày thực hiện hợp đồng giao khoán nên rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà Ng trả tiền thuê diện tích đất mỏ trong 6 tháng cuối năm 2010 và 6 tháng đầu năm 2011. Tiền thuê diện tích đất mỏ và diện tích mặt bằng Nhà máy được tính theo thông báo của Chi cục Thuế huyện Thủy Nguyên, tiền phí tài nguyên, thuế đất...được tính theo Quyết định xử phạt của Cục Thuế thành Phố Hải Phòng. Tại Quyết định thành lập Nhà máy gạch đã nêu rõ Nhà máy gạch là đơn vị trực thuộc Công ty với hình thức báo sổ nên kháng cáo của bà Ng cho rằng hợp đồng không quy định hạch toán báo sổ nên không phải thực hiện nghĩa vụ này là không đúng. Từ những nội dung trên, yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Ng

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về kháng cáo: Hợp đồng giao khoán thực hiện từ 01/5/2010, nhưng bà Ng đại diện cho Nhà máy gạch Lưu K không thực hiện thanh toán các khoản chi phí như thuế GTGT, thuế tài nguyên, tiền thuê đất, thuế đất, phí môi trường...và các khoản chi phí khác liên quan đến hoạt động khai thác khoáng sản và sản xuất kinh doanh của nhà máy, cũng không thanh toán cho Công ty nghĩa vụ trích nộp là 600.000.000/năm trong 02 năm đầu và nghĩa vụ trích nộp các năm tiếp theo căn cứ vào tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của nhà máy. Do bà Ng không nộp các khoản chi phí trên theo quy định của hợp đồng, nên Công ty đã bị Cục thuế Hải Phòng xử phạt và phải nộp các khoản thuế trên cho Nhà nước. Do đó, bà Ng phải thanh toán cho Công ty cổ phần X9 Hải Phòng : 663.750.000 đồng tiền công ty nộp vào ngân sách nhà nước liên quan đến vi phạm trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhà máy gạch Lưu K; 17.234.000 đồng tiền thuê đất mỏ, tiền thuê mặt bằng nhà máy từ năm 2010 đến ngày chấm dứt hợp đồng, tiền nộp cơ chế cho Công ty theo hợp đồng từ tháng 6/2010 đến hết tháng 8/2011 (15 tháng) là 750.000.000 đồng. Bản án sơ thẩm yêu cầu bà Ng nộp tiền cơ chế từ tháng 12/2011 đến hết tháng 12/2017 (73 tháng) là 3.650.000.000 đồng là chưa có căn cứ vì thời gian này Công ty đã yêu cầu bà Ng dừng hoạt động.

Đối với kháng cáo của bà Ng về nội dung đề nghị Tòa án tuyên buộc Công ty cổ phần X9 Hải Phòng phải thanh toán số tiền đã đầu tư là 23.935.029.800 đồng và không đồng ý chấm dứt hợp đồng giao khoán:

Tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện Công ty đã đóng các khoản tiền cho Nhà nước phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhà máy gạch Lưu K tại Kho bạc nhà nước thành phố Hải Phòng theo quyết định xử phạt của cục Thuế Hải Phòng, bà Ng cũng chưa thực hiện nghĩa vụ trích nộp tiền cho Công ty. Do bà Ng đã vi phạm nghĩa vụ nộp tiền cho Công ty cùng các khoản thuế GTGT, thuế tài nguyên, tiền thuê đất, thuế đất, phí môi trường...phải nộp đối với nhà nước như thỏa thuận trong hợp đồng giao khoán nên việc Công ty yêu cầu chấm dứt hợp đồng giao khoán là có căn cứ. Theo quy định tại khoản 5 của hợp đồng thì trong trường hợp này bị đơn phải tháo dỡ thiết bị, công trình do bị đơn đầu tư xây dựng để bàn giao mặt bằng sạch cho Công ty. Bản án sơ thẩm tuyên chấm dứt hợp đồng giao khoán số 08/2009/HĐGK ngày 26/6/2009 được ký giữa Công ty cổ phần X9 Hải Phòng với bà Ng, bà Ng phải tháo dỡ và di chuyển toàn bộ tài sản để trả lại mặt bằng cho Công ty cổ phần X9 Hải Phòng là có cơ sở. Do đó, bà Ng phải tháo dỡ và di chuyển toàn bộ tài sản đã đầu tư nên yêu cầu của bà Ng về việc Công ty phải bồi thường cho bà số tiền 23.935.029.800 đồng đã đầu tư là không có cơ sở chấp nhận.

Như vậy, có căn cứ để chấp nhận một phần kháng cáo của bà Ng. Sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tiền thuê diện tích đất mỏ Dinh Sen.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của ông Vũ Đình Tiến tại phiên tòa nhưng đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ lần thứ hai, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Vũ Đình Tiến.

- Xét nội dung kháng cáo:

[2] Về tính hợp pháp của Hợp đồng giao khoán:

[2.1] Ngày 13 tháng 6 năm 2003, Ủy ban nhân thành phố Hải Phòng ban hành Quyết định số 1333/QĐ-UB về việc thu hồi 35.367,1m² đất tại xã Lưu K, huyện Thủy Nguyên giao Công ty Đá phụ gia và Xây dựng Minh Đức thuê để xây dựng nhà máy sản xuất gạch, thời hạn thuê đất là 40 năm kể từ ngày quyết định cho thuê.

[2.2] Ngày 11 tháng 4 năm 2003, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành Quyết định số 784/QĐ-UB cho phép Công ty Đá phụ gia và Xây dựng Minh Đức được khai thác khoáng sản sét gạch ngói tại khu vực núi Dinh Sen – mỏ sét gạch ngói Lưu K với thời hạn khai thác là 20 năm.

[2.3] Ngày 04 tháng 01 năm 2004, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành Quyết định số 110/QĐ/UB về việc thu hồi 32.672m² tại xã Lưu K, huyện Thủy Nguyên giao Công ty Đá phụ gia và Xây dựng Minh Đức thuê để khai thác khoáng sản sét gạch ngói, thời hạn thuê đất là 10 năm kể từ ngày quyết định cho thuê.

[2.4] Ngày 08 tháng 3 năm 2006, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành Quyết định số 987/QĐ-UBND về việc chuyển Công ty Đá phụ gia và Xây dựng Minh Đức thành Công ty Cổ phần X9 Hải Phòng.

[2.5] Ngày 26 tháng 6 năm 2009, Công ty Cổ phần X9 Hải Phòng Quyết định thành lập Nhà máy gạch Lưu K trực thuộc Công ty Cổ phần X9 Hải Phòng với hình thức hạch toán báo sổ. Tại Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 18 tháng 6 năm 2009 giao cho Tổng Giám đốc cùng bên nhận khoán là người đại diện ký nhận hợp đồng là giám đốc điều hành nhà máy. Cùng ngày 26 tháng 6 năm 2009, người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần X9 Hải Phòng (bên A) ủy quyền cho ông Trần Văn Hiền ký hợp đồng giao khoán đầu tư, sản xuất kinh doanh nhà máy gạch Lưu K. Thực hiện việc ủy quyền, ngày 26 tháng 6 năm 2009 ông Trần Văn Hiền đại diện cho Bên A ký hợp đồng giao khoán số 08/2009/HĐGK với Nhà máy gạch Lưu K (bên B) có nội dung: “Bên A giao cho bên B diện tích mặt bằng nhà máy 35.367m²., và được phép khai thác sử dụng sản lượng đất sét đối tương ứng với công suất sản xuất gạch của Nhà máy trong diện tích là 32.672m². Thời hạn thực hiện hợp đồng là 08 năm được tính từ ngày 01 tháng 5 năm 2010 đến hết ngày 01 tháng 5 năm 2018. Thời gian để bên B đầu tư và xây dựng nhà máy từ ngày 26 tháng 6 năm 2009 đến hết ngày 30 tháng 4 năm 2010”. Như vậy, thời hạn của hợp đồng giao khoán về khai thác mỏ Dinh Sen vẫn nằm trong phạm vi cho phép khai thác khoáng sản sét gạch ngói tại Quyết định số 784/QĐ-UB ngày 11 tháng 4 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng là 20 năm nhưng Công ty chỉ thuê đất mỏ đến năm 2014 theo Quyết định số 110/QĐ-UB ngày 09 tháng 01 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng là không vi phạm về thời hạn được cấp phép. Hợp đồng giao khoán được ký kết trên nguyên tắc thỏa thuận tự nguyện, tự định đoạt phù hợp với quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực.

[3] Nhà máy gạch Lưu K do Công ty Cổ phần X9 thành lập. Tại quyết định thành lập đã chỉ rõ Nhà máy gạch là đơn vị trực thuộc Công ty. Đối với hợp đồng giao khoán của Công ty đối với Nhà máy gạch là một nhiệm vụ của Công ty đối với Nhà máy gạch do bà Ng đứng đầu chịu trách nhiệm quản lý và điều hành Nhà máy gạch. Như vậy, quan hệ này là quan hệ dân sự giữa Công ty với Nhà máy, không phải là quan hệ kinh tế nên khi Công ty khởi kiện thì đây là quan hệ dân sự. Bà Ng cho rằng đây là vụ án kinh doanh thương mại và chuyển hồ sơ sang Tòa Kinh tế là không đúng thẩm quyền xét xử.

[4] Quá trình thực hiện hợp đồng giao khoán:

[4.1] Điều 2 của hợp đồng giao khoán quy định trách nhiệm của bên B chấp hành đầy đủ nguyên tắc kế toán, chế độ báo cáo kế toán..theo đúng quy định của Luật kế toán và những quy định của bên A...Chỉ sử dụng nguyên liệu đất khai thác mỏ Dinh Sen phục vụ sản xuất gạch của Nhà máy, không sử dụng mục đích khác khi chưa được sự đồng ý của Công ty. Tuy nhiên khi thực hiện hợp đồng giao khoán, Nhà máy gạch sử dụng nguyên liệu đất khai thác mỏ Dinh Sen không đúng mục đích thể hiện tại biên bản kiểm tra hiện trường và báo cáo ngày 20 tháng 6 năm 2010 của Ban kiểm soát Công ty cổ phần vật liệu số 9 thì nhà máy gạch đang khai thác đất sét tại mỏ Dinh Sen bán cho thị trường đất san nền trong thời gian dài, khối lượng lớn nhưng không báo cáo, xin phép và không có sự đồng ý của Công ty. Xét thấy đây là lỗi của Nhà máy gạch nên ngày 05 tháng 7 năm 2010, Công ty đã ban hành thông báo số 140 TB/CT đình chỉ hoạt động khai thác mỏ sét núi Dinh Sen là có căn cứ. Điều này được chứng minh tại báo cáo tình hình đầu tư xây dựng nhà máy gạch Lưu K do bà Ng báo cáo ngày 12 tháng 8 năm 2010 về tình hình sử dụng mỏ xác nhận Nhà máy sử dụng 80.000m³ nguyên liệu không đúng nội dung hợp đồng, cụ thể là bóc lớp bề mặt làm đường vào mỏ là 5.000m³, chở đất về nâng cấp mặt bằng nhà máy là 20.000m³, chở nguyên liệu về nhà máy là 45.000m³, bóc lớp bề mặt hoán đổi đất nguyên liệu Quảng Ninh là 10.000m³. Và tại biên bản xác định mốc giới khu vực núi Dinh Sen của Đoàn kiểm tra liên ngành huyện Thủy Nguyên ngày 30 tháng 3 năm 2011; báo cáo số 25/BC-TN&MT ngày 31 tháng 3 năm 2011 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Thủy Nguyên xác định tọa độ theo Quyết định 784/QĐ-UB ngày 11 tháng 4 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng thì khu vực khai thác của Công ty X9 khai thác không trùng khớp với bản đồ địa chính và tại khu vực núi Dinh Sen có một số phương tiện tham gia khai thác, vận chuyển khoáng sản. Nội dung hai văn bản trên phù hợp với báo cáo đoàn kiểm tra ngày 03 tháng 8 năm 2011 của Công ty, bà Ng xác nhận “sau một thời gian khai thác gần 5 vạn m³ đất núi Dinh Sen về để phong hóa, ngâm ủ đất sét vẫn không làm được sạch nên đã dừng mỏ theo Công văn của Công ty tháng 7/2010. Ngày 01 tháng 6 năm 2011 sau khi khai thác đất về san lấp ao trong nhà máy thì bị đoàn kiểm tra yêu cầu dừng và điều chỉnh tọa độ cho phù hợp”. Mặt khác, Biên bản kiểm tra ngày 11 tháng 8 năm 2011 tại nhà máy gạch xác định sản lượng đã khai thác đất sét tại mỏ Dinh sen theo báo cáo của nhà máy là 77.818m³ và tại thời điểm kiểm tra thì Nhà máy vẫn chưa cập nhật đầy đủ chứng từ, chi phí về Công ty là vi phạm Điều 2 của Hợp đồng giao khoán nên ngày 29 tháng 9 năm 2011 Tổng Giám đốc Công ty quyết định tạm dừng mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy gạch trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2011. Trong Hợp đồng giao khoán không thể hiện phải hạch toán báo sổ nhưng tại Quyết định thành lập Nhà máy gạch Lưu Lưu K của Công ty Cổ

phần X9 Hải Phòng đã Quyết định Nhà máy gạch Lưu K trực thuộc Công ty Cổ phần X9 Hải Phòng với hình thức hạch toán báo sổ nên Công ty Cổ phần X9 Hải Phòng yêu cầu Nhà máy gạch phải thực hiện báo cáo kế toán theo nguyên tắc kế toán, hạch toán báo sổ là có căn cứ.

[4.2] Trong thời gian tạm dừng hoạt động, Công ty có hợp đồng với Công ty TNHH MTV BVBV Nam Triệu giữ gìn an ninh trật tự và bảo vệ tài sản của Công ty tại Nhà máy. Công ty đã thông báo cho các cơ quan có thẩm quyền được biết. Bà Ng cho rằng Công ty thuê Công ty TNHH MTV BVBV Nam Triệu đến canh gác, kiểm soát tại mỏ Dinh Sen và mặt bằng không cho Nhà máy sản xuất thể hiện tại công văn số 154/NQ-CT ngày 10 tháng 10 năm 2011 là không căn cứ vì không đúng nội dung của công văn.

[4.3] Cũng trong Hợp đồng giao khoán tại Điều 3 của Hợp đồng quy định cơ chế giao khoán bên B phải chịu trách nhiệm toàn bộ các khoản phí như thuế GTGT, thuế tài nguyên, tiền thuê đất, thuế đất, phí môi trường...và các khoản chi phí khác liên quan đến hoạt động khai thác khoáng sản và sản xuất kinh doanh của nhà máy.....”. Tuy nhiên tại Biên bản kiểm tra liên ngành ngày 16 tháng 01 năm 2017 tại Công ty X9 đã kết luận Công ty chưa thực hiện việc kê khai nộp thuế tài nguyên, thuế GTGT, thuế TNDN, phí tài nguyên đối với hoạt động khai thác khoáng sản tại mỏ sét khu vực núi Dinh Sen xã Lưu K, huyện Thủy Nguyên theo quy định của pháp luật. Công ty chưa nộp đầy đủ nghĩa vụ nộp tiền thuê đất đối với phần diện tích 32,672m². Trong đó xác định trữ lượng khoáng sản đất sét Công ty đã khai thác là 231.451,35m³ tính từ quý 3/2009 đến tháng 6 năm 2011 với tổng tiền thuế, tiền thuê đất và phí sử dụng là 1.016.400đồng. Và tại Quyết định số 663/QĐ-CT ngày 18 tháng 01 năm 2017 của Cục Thuế Hải Phòng đã xử lý về thuế đối với Công ty là 1.960.922.450 đồng, trong đó phạt vi phạm hành chính về thuế là 911.522.225đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Ng xác nhận báo cáo ngày 12 tháng 8 năm 2010 về tình hình sử dụng mỏ của Nhà máy sử dụng 80.000m³ nguyên liệu là đúng. Như vậy, kể từ thực hiện hợp đồng giao khoán đến hết năm 2011, bà Ng đã thực hiện không đúng Điều 3 của Hợp đồng giao khoán. Căn cứ vào báo cáo ngày 18 tháng 10 năm 2010 của bà Ng và Kết luận ngày 16 tháng 9 năm 2011 của Đoàn kiểm tra của Công ty thì từ năm 2010 đến năm 2011 bà Ng đã khai thác, sử dụng 75.000.000m³ khoáng sản tại mỏ sét Dinh Sen nên bà Ng phải chịu tiền thuế tài nguyên, thuế GTGT, thuế TNDN, phí tài nguyên đối với trữ lượng khoáng sản là 75.000m³. Và căn cứ vào Quyết định số 663/QĐ-CT ngày 18 tháng 01 năm 2017 của Cục Thuế Hải Phòng (sau khi trừ đi tiền thuê đất còn thiếu là 71.878.000đồng từ năm 2005 đến năm 2008) thì tiền thuế tài nguyên, thuế GTGT, thuế TNDN, phí tài nguyên, bà Ng phải chịu là: $(1.889.044\text{đồng} : 213.451,35\text{m}^3) \times 75.000\text{m}^3 = 663.750.000\text{đồng}$.

[4.4] Do bà Ng khai thác khoáng sản tại mỏ Dinh Sen không đúng mục đích nên ngày 05 tháng 7 năm 2010 Công ty có thông báo dừng hoạt động khai thác tại mỏ sét Dinh Sen, đến ngày 29 tháng 9 năm 2011 Tổng Giám đốc của Công ty có Quyết định tạm dừng mọi hoạt động của Nhà máy gạch. Trên thực tế, theo báo cáo của bà Ng đã khai thác sử dụng 75.000m³ khoáng sản tại mỏ do vậy bà Ng phải trả tiền thuê diện tích đất mỏ. Và căn cứ vào Danh mục tạm tính tiền thuê đất mỏ hàng năm của Chi cục Thuế huyện Thủy Nguyên tại Nhà máy gạch Lưu K thì yêu cầu của Công ty tính tiền thuê đất mỏ đối với bà Ng trong 6 tháng năm 2010 là 8.168.000 và 06 tháng của năm 2011 là 17.234.000 đồng được chấp nhận.

[4.5] Đối với tiền thuê diện tích đất mặt bằng Nhà máy: Bản án sơ thẩm tính tiền thuê mặt bằng Nhà máy đến ngày xét xử sơ thẩm là không có căn cứ, bởi lẽ ngày 06 tháng 7 năm 2017 Công ty đã lập vi bằng xác định chấm dứt hợp đồng giao khoán với Nhà máy gạch nên không có căn cứ tính tiền thuê mặt bằng Nhà máy đến ngày xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Ng khai Công ty đã yêu cầu bà chấm dứt Hợp đồng giao khoán từ năm 2012 nhưng từ kí hợp đồng giao khoán đến năm 2017, Nhà máy gạch vẫn hoạt động mặc dù không được sử dụng nguyên liệu từ mỏ Dinh Sen nên bà phải mua nguyên liệu từ bên ngoài. Như vậy, bà Ng sử dụng mặt bằng của nhà máy nên phải thanh toán tiền thuê mặt bằng theo hợp đồng giao khoán đã ký với Công ty tính đến ngày 06 tháng 7 năm 2017.

[4.6] Về tiền cơ chế theo Điều 3 của Hợp đồng giao khoán: Bà Ng thừa nhận sau khi có thông báo của Công ty về việc dừng hoạt động mỏ Dinh Sen ngày 05 tháng 7 năm 2010 nhưng bà Ng vẫn khai thác sử dụng mỏ sét Dinh Sen đến khi Công ty có Quyết định tạm đình chỉ hoạt động tại mỏ nên bà Ng phải trả nợ tiền cơ chế cho Công ty từ tháng 6 năm 2010 đến hết ngày 31/8/2011 là 15 tháng = 750.000.000 đồng. Tuy nhiên từ tháng 12 năm 2011 đến hết ngày 06 tháng 7 năm 2017 (là ngày Công ty có biên bản và thanh lý hợp đồng giao khoán) Nhà máy gạch đã dừng hoạt động theo yêu cầu của Công ty và tại thông báo số/TB-CT ngày 09 tháng 10 năm 2013 của Công ty thể hiện kể từ ngày 12 tháng 10 năm 2013 Công ty tiến hành việc khai thác bóc lớp đất đá bề mặt và tạo mặt bằng tại mỏ sét Dinh Sen. Do vậy không có căn cứ để yêu cầu bà Ng phải nộp tiền cơ chế trả Công ty trong thời gian này. Mặt khác, Công ty đã yêu cầu Nhà máy gạch phải thanh lý hợp đồng từ ngày 06 tháng 7 năm 2017, mặc dù bà Ng không ký nhưng đây là tài liệu của Công ty ban hành yêu cầu bà Ng phải chấm dứt hợp đồng giao khoán, là mệnh lệnh của cấp trên đối với cấp dưới nhưng tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu nộp tiền cơ chế của Công ty tính đến ngày xét xử sơ thẩm là không đúng.

[4] Đối với kháng cáo yêu cầu Công ty cổ phần X9 Hải Phòng phải thanh toán số tiền đã đầu tư là 23.935.029.800 đồng và không đồng ý chấm dứt hợp đồng giao khoán: Điều 5 Hợp đồng giao khoán ký kết giữa các bên có quy định: "...Trong mọi trường hợp xảy ra nêu trên dẫn đến phải thanh lý hợp đồng, bên B phải nhanh

chống tháo dỡ thiết bị, công trình do bên B đầu tư xây dựng để bàn giao mặt bằng sạch cho bên A trong thời hạn 30 ngày kể từ khi có quyết định thanh lý hợp đồng, đồng thời không được hưởng bất kỳ một chi phí nào cho việc tháo dỡ...”. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Ng thừa nhận khi đầu tư xây dựng tại Nhà máy, bà Ng không báo cáo Công ty. Tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện Công ty đã đóng các khoản tiền cho Ngân sách Nhà nước phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhà máy gạch Lưu K tại Kho bạc nhà nước thành phố Hải Phòng theo quyết định xử phạt của Cục Thuế Hải Phòng. Quá trình thực hiện hợp đồng giao khoán của Nhà máy gạch Lưu K do bà Ng là giám đốc điều hành đã vi phạm các Điều 1, Điều 2, Điều 3 của Hợp đồng giao khoán nên Công ty có quyền được đơn phương chấm dứt hợp đồng giao. Và theo Điều 5 của Hợp đồng giao khoán thì bà Ng phải tháo dỡ thiết bị, công trình do bị đơn đầu tư xây dựng để bàn giao mặt bằng sạch cho Công ty. Không có căn cứ buộc Công ty phải bồi thường cho bà Ng và ông Tiến số tiền 23.935.029.800 đồng đã đầu tư.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Ng và ông Tiến phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu Công ty Cổ phần X9 Hải Phòng phải trả số tiền 23.935.029.800 đồng không được Tòa án chấp nhận và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho Công ty Cổ phần X9 Hải Phòng. Công ty Cổ phần X9 Hải Phòng phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện không được Tòa án chấp nhận. Tại bản án sơ thẩm quyết định bà Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 114.541.000đ là còn thiếu so với nghĩa vụ án phí bà Ng phải chịu, do vậy cần sửa lại án phí dân sự sơ thẩm đối với các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 296, khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ cáo các Điều 388, 501, 502, 504, 506 và 511 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào các Điều 385, 481, 482, 483, 484 và 493 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1, 4 Điều 26, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 34/2018/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ánh Ng, chấp nhận một phần yêu cầu khởi

kiện của Công ty Cổ phần X9 Hải Phòng, chấp nhận yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện về tính tiền thuê diện tích đất mỏ Dinh Sen.

1.1. Chấm dứt Hợp đồng giao khoán số 08/2009/HĐKT ngày 26 tháng 6 năm 2009 được kí giữa Công ty Cổ phần X9 Hải Phòng với Nhà máy gạch Lưu K.

2.2. Bà Nguyễn Thị Ánh Ng phải có trách nhiệm bàn giao và trả lại các tài sản sau đây cho Công ty Cổ phần X9 Hải Phòng: Bàn giao và trả lại toàn bộ diện tích mặt bằng nhà máy đã thuê khoán theo hợp đồng 35.367,10m²; bàn giao và trả lại móng tường rào tại các vị trí Công ty chưa xây hoàn thiện, nhà làm việc điều hành, nhà cấp đổi diện công bảo vệ (trừ mái prôximăng), nhà ăn, nhà nghỉ công nhân, nhà bảo vệ, đường dẫn vào mỏ mở rộng và toàn bộ cây cối trong khuôn viên diện tích đất 35.367,10m² theo hợp đồng thuê khoán.

2.3. Bà Nguyễn Thị Ánh Ng phải thanh toán, trả cho Công ty Cổ phần X9 Hải Phòng các khoản tiền như sau:

Tiền Công ty đã bỏ ra nộp thuế vào ngân sách Nhà nước liên quan đến vi phạm trong hoạt động, sản xuất, kinh doanh của Nhà máy gạch Lưu K do bà Nguyễn Thị Ánh Ng làm giám đốc là 663.750.000 đồng,

Tiền thuê đất mỏ 06 tháng cuối năm 2010 và 06 tháng cuối năm 2011 là 25.402.000 đồng

Tiền thuê mặt bằng nhà máy từ năm 2010 đến ngày ngày 06 tháng 7 năm 2017 theo thông báo nộp thuế đất hàng năm của Chi cục Thuế huyện Thủy Nguyên là 1.267.966.000 đồng,

Tiền nộp cơ chế cho Công ty theo hợp đồng từ tháng 6/2010 đến hết tháng 8/2011 (15 tháng) là 750.000.000 đồng

Tổng số tiền bà Ng phải thanh toán là 2.707.118.000 đồng.

2.4. Đình chỉ yêu cầu thanh toán 25.402.000 đồng tiền thuê diện tích đất mỏ của Công ty Cổ phần X9 Hải Phòng đối với bà Nguyễn Thị Ánh Ng.

2.5. Bà Nguyễn Thị Ánh Ng phải tháo dỡ và di chuyển toàn bộ tài sản các tài sản gồm: Một lò đứng; bờ kè đá hộc để dẫn nước chảy ra sông; sân phơi gạch ngoài trời và rãnh thoát nước; nhà vệ sinh số 01 và số 02; nhà xe; nhà lán khu lò gạch; nhà chứa máy làm gạch; nhà chứa đất và tường chắn; nhà chứa máy bơm; đường nội bộ xung quanh mặt bằng nhà máy (đường xương cá); rãnh thoát nước trong nhà máy; lò nung kiểu lò vòng; nhà mái che lò nung; nhà cáng phơi gạch phía văn phòng; âu xuất hàng; nhà mái che âu xuất hàng; nhà kho đất và bờ kè; nhà kho than và bờ kè; nhà cáng phơi gạch phía trước lò đứng; nhà ăn cho cán bộ công ty 02 gian; dọn và vận chuyển phân vật liệu đã san lấp, nâng cốt mặt bằng nhà

máy; mái prôximăng lợp nhà cấp đổi diện công bảo vệ để trả lại mặt bằng cho Công ty Cổ phần X9 Hải Phòng.

2.6. Bà Nguyễn Thị Ánh Ng phải tháo dỡ, di chuyển các tài sản phát sinh khác ngoài các tài sản buộc phải tháo dỡ như đã được liệt kê ở trên để trả lại mặt bằng cho Công ty Cổ phần X9 Hải Phòng.

2.7. Khi tháo dỡ, di chuyển, vận chuyển các tài sản buộc phải tháo dỡ, bà Nguyễn Thị Ánh Ng không được làm ảnh hưởng đến các tài sản mà bà Nguyễn Thị Ánh Ng có trách nhiệm bàn giao cho Công ty Cổ phần X9 Hải Phòng như đã xác định ở trên.

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ánh Ng về việc buộc Công ty Cổ phần X9 Hải Phòng phải thanh toán cho bà số tiền 23.935.029.800 đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Ánh Ng phải chịu 86.142.360 (tám mươi sáu triệu một trăm bốn mươi hai nghìn, ba trăm sáu mươi nghìn đồng) án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần X9 Hải Phòng được chấp nhận.

Công ty Cổ phần X9 Hải Phòng phải chịu 108.172.000đ (một trăm linh tám triệu một trăm bảy mươi hai nghìn đồng) án phí đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nhưng được trừ 57.000.000đ (năm mươi bảy triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0008804 ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Công ty Cổ phần X9 Hải Phòng còn phải nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 51.172.000đ (năm mươi một triệu một trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị Ánh Ng và ông Vũ Đình Tiến phải chịu án phí 131.935.026 đ (một trăm ba mươi một triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn không trăm hai mươi sáu nghìn đồng) đối với yêu cầu Công ty Cổ phần X9 Hải Phòng phải thanh toán cho ông bà số tiền 23.935.029.800 đồng không được Tòa án chấp nhận. Mỗi người phải chịu 65.967.513đ (sáu mươi lăm triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm mười ba nghìn đồng).

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Ánh Ng không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại bà Ng 300.000 (ba trăm nghìn đồng) tiền án tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0000190 ngày 29 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thủy Nguyên.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định

tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKS ND thành phố Hải Phòng;
- Tòa án ND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đặng Hồ Điệp

. Tại Biên bản làm việc ngày 06 tháng 8 năm 2015 của Sở xây dựng thành phố Hải Phòng lập có nêu nội dung: Căn cứ chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2012 và chỉ thị số 27/CT-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố, nhà máy gạch Lưu K thuộc vào các lò phải xóa bỏ (Bà Ng thừa nhận kí xác nhận văn bản). Tại Văn bản số 1844/SXD-QLVLXD ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Sở xây dựng thành phố Hải Phòng nêu: Hiện tại nhà máy gạch Lưu K đang sản xuất gạch đất sét nung theo phương pháp lò đứng thuộc vào loại lò phải xóa bỏ theo chủ trương của Chính phủ và thành phố. Đề nghị Công ty Cổ phần X9 thực hiện chấm dứt hoạt động và xóa bỏ lò gạch Lưu K chậm nhất vào tháng 12 năm 2015. Tại Văn bản số 3660/SXD-KTVLXD ngày 03 tháng 11 năm 2017 của Sở xây dựng thành phố Hải Phòng báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng sau khi thực hiện công tác kiểm tra việc xây dựng, sản xuất lò gạch trên địa bàn thành phố nêu: Đến nay trên địa bàn huyện Thủy Nguyên lò gạch của Công ty Cổ phần X9 tái sản xuất trở lại và đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng chỉ đạo Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên kiểm tra và cương quyết xử lý và thực hiện phá dỡ vỏ lò trong năm 2017. Tại Văn bản số 8368/UBND-XD2 ngày 21 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng chỉ đạo: Giao Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên tăng cường kiểm tra, xử lý kịp thời các lò thủ công đầu tư mới tự phát, tự ý chuyển đổi công nghệ không đảm bảo hoặc tái sản xuất các lò thủ công trên địa bàn. Ngày 18 tháng 01 năm 2018 Tổ công tác của Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên kết hợp với Ủy ban nhân dân xã Lưu K, huyện Thủy Nguyên đã lập biên bản đình chỉ hoạt động sản xuất lò vòng thủ công của nhà máy gạch Lưu K (Bà Ng không kí biên bản). Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn không đồng ý nhận lại những tài sản của bị đơn đã đầu tư và vẫn yêu cầu phải di rời, tháo dỡ toàn vì có để lại cũng không phục vụ cho mục đích sử dụng và định hướng sản xuất kinh doanh sau này của Công ty. Trong trường hợp Công ty có tiếp tục lĩnh vực sản xuất gạch thì cũng phải thay đổi công nghệ, dây chuyền sản xuất và quy hoạch lại nhà máy. Với phân tích trên, bị đơn phải có trách nhiệm tháo dỡ toàn bộ tài sản đã đầu tư để trả lại mặt bằng cho nguyên đơn mà không được thanh toán tiền đã đầu tư.

[6.3] Đối với yêu cầu thanh toán các khoản tiền: Do bị đơn vi phạm các nghĩa vụ thanh toán đã thỏa thuận tại Hợp đồng Giao khoán nên bà Ng phải thanh toán cho Công ty các khoản tiền sau đây:

Tiền Công ty đã bỏ ra nộp thuế cho Nhà nước liên quan đến nhà máy gạch là 663.750.000 đồng, tiền thuê đất mỏ năm 2010 - 2011 là 50.804.000 đồng, tiền thuê mặt bằng nhà máy từ năm 2010 đến ngày xử sơ thẩm là 1.426.558.630 đồng, tiền nộp cơ chế cho công ty theo hợp đồng từ tháng 6/2010 đến hết tháng 8/2011 (15 tháng) là 750.000.000 đồng và từ tháng 12/2011 đến hết tháng 12/2017 (73 tháng) là 3.650.000.000 đồng. Tổng số tiền bà Ng phải thanh toán là 6.541.112.630 đồng; nguyên đơn không yêu cầu thanh toán lãi chậm trả nên không xét giải quyết.

[7] Về yêu cầu của bà Ng đề nghị Tòa án buộc Công ty phải thanh toán cho bà số tiền đã đầu tư là 23.935.029.800 đồng. Đây không phải là yêu cầu phản tố vì liên quan và phát sinh từ Hợp đồng Giao khoán nên cần được xem xét giải quyết trong vụ án này. Do bà Ng phải tháo dỡ hết tài sản đã đầu tư nên yêu cầu thanh toán 23.935.029.800 đồng của bà Ng không được chấp nhận.

[8] Về yêu cầu của bà Ng đề nghị Tòa án buộc Công ty phải thanh toán cho bà số tiền 7.200.000.000 đồng. Đây là yêu cầu phản tố, Tòa án đã báo cho bà Ng đến Tòa để làm thủ tục thụ lý yêu cầu phản tố. Tại bản tự khai ngày 12 tháng 10 năm 2018 bà Ng có quan điểm không đề nghị Tòa án thụ lý yêu cầu phản tố do hiện nay không có tiền để nộp tạm ứng án phí và sẽ khởi kiện bằng vụ án khác nếu thấy cần thiết. Do vậy Tòa án không giải quyết số tiền 7.200.000.000 đồng trong vụ án này, bà Nguyễn Thị Ánh Ng có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[9] Về yêu cầu của bà Ng đề nghị Tòa án buộc Công ty phải thanh toán cho bà tiền lương và tiền bà bồi thường cho các hộ dân khi khai thác mỏ sét Dinh sen. Đây là các yêu cầu mới phát sinh tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết trong vụ án này. Bà Ng có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.